

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/DS-ST
Ngày: 23 - 01 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự hụi, họ, biêu, phường

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Lợi.

2. Bà Trần Ngọc Điệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Đức - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2017/TLST - DS, ngày 01 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp “*Hợp đồng dân hụi, họ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Kim N, sinh năm: 1989; địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh K; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà N: Bà Phan Thị T, sinh năm 1976 là người đại diện theo ủy quyền, giấy ủy quyền ngày 04/12/2017; địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh K; có mặt.

2. Bị đơn:

1. Ông Lê Văn D, sinh năm: 1972; có mặt;

2. Bà Lê Thị M, sinh năm 1979; có mặt;

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện G, tỉnh k.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/9/2017 nguyên đơn là chị Phan Kim N trình bày:

Vào năm 2011 chị có tham gia chơi 01 dây hụi mùa 5.000.0000 đồng do vợ chồng ông Lê Văn D và bà Lê Thị M làm chủ. Dây hụi áp ngày 20/8/2011 (al), mỗi năm sổ 03 lần, gồm có 19 hụi viên, chị đã đóng hụi sống được 18 lần. Đến ngày 20/7/2017 (al) thì hụi mãn, chị hốt cuối được số tiền là 90.000.000 đồng, trừ đi tiền hoa hồng cho vợ chồng ông D, bà M là 2.500.000 đồng, còn lại 87.500.000 đồng. Ngày giao hụi là ngày 15/8/2017 (âl), từ đó đến nay chị đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông D, bà M giao tiền hụi nhưng ông, bà vẫn không giao.

Chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông D, bà M phải trả cho ông số tiền hụi gốc là 87.500.000 đồng và tiền lãi kể từ ngày 20/7/2017 (âl) đến ngày xét xử vụ án theo mức lãi suất do Nhà nước quy định.

Bị đơn là bà Lê Thị Mực trình bày: Bà thừa nhận là có làm chủ hụi của dây hụi mùa áp ngày 20/8/2011 (al), số tiền là 5.000.000 đồng, gồm có 19 hụi viên, mỗi năm sổ 03 lần, ngày 20/7/2017 (al) thì hụi mãn. Chị N là người hốt chót là 90.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng là 2.500.000 đồng, còn lại là 87.500.000 đồng. Do ông Phan Ngọc A là cha ruột của chị N và chị của chị N còn nợ số tiền của 02 chân hụi chết là 10.000.000 đồng nên bà chỉ còn nợ chị N số tiền là 77.500.000 đồng. Nay, bà đồng ý trả cho chị N số tiền hụi là 77.500.000 đồng nhưng hoàn cảnh còn khó khăn nên bà yêu cầu được trả dần, mỗi tháng bà sẽ trả số tiền là 5.000.000 đồng. Ông Lê Văn D là đồng bị đơn trong vụ án thống nhất với lời trình bày của bà M.

Tại biên bản hòa giải ngày 29/12/2017, người đại diện hợp pháp của chị N là bà Phan Thị T đồng ý khấu trừ số tiền 02 chân hụi chết là 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện về gốc, lãi; yêu cầu bà M, ông D phải trả cho chị N số tiền hụi vốn gốc là 77.500.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất chậm trả tính từ ngày bà M, ông D có nghĩa vụ giao tiền là ngày 15/8/2017 (âl) cho đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Chị Phan Kim N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Lê Văn D và bà Lê Thị M trả số tiền hụi còn nợ nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp “Hợp đồng dân sự hụi, họ, biêu, phường” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn là ông D, bà M có địa chỉ nơi cư trú tại ấp H, xã H, huyện G, tỉnh K nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa, bà Phan Thị T là người đại diện hợp pháp của chị N rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn là 10.000.000 đồng và rút yêu cầu tính lãi từ ngày 20/7/2017 (al) đến ngày 14/8/2017 (âl) nên Hội đồng xét xử (HĐXX) đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị N theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] *Về nội dung:*

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự cùng xác định bà M, ông D có làm chủ của dây hụi mùa áp ngày 20/8/2011 (al), số tiền là 5.000.000 đồng, có 19 hụi viên, mỗi năm sổ 03 lần, 15 ngày sau khi sổ hụi sẽ giao tiền, hụi mãn ngày 20/7/2017 (al). Chị N là người hót cuối, số tiền hót được là 90.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng là 2.500.000 đồng, số tiền được nhận là 87.500.000 đồng. Khấu trừ số tiền hai chân hụi chết là 10.000.000 đồng nên chị N chỉ yêu cầu ông D, bà M chỉ còn nợ lại số tiền là 77.500.000 đồng và yêu cầu thanh toán một lần. Ông D, bà M đồng ý thanh toán cho chị N số tiền này nhưng yêu cầu được trả dần mỗi tháng là 5.000.000 đồng.

Theo khoản 1 Điều 479 của Bộ luật Dân sự 2005 thì: *“Họ, hụi, biếu, phường (sau đây gọi chung là họ) là một hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thoả thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên”*. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác định số tiền nợ nói trên là tiền góp họ mà các bên đã giao dịch. Giao dịch của các bên là hoàn toàn tự nguyện, do đó các các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Do đó, chị N yêu cầu ông D, bà M phải trả số tiền hụi được hót là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận toàn bộ.

Đối với yêu cầu tính lãi, các bên đương sự đều xác định ngày phải giao tiền hụi là ngày 15/8/2017 (âl), nhằm ngày 03/10/2017 (dl), tuy nhiên đến nay bà M, ông D vẫn chưa thanh toán cho chị N. Theo quy định tại khoản 2 Điều 305 của Bộ luật Dân sự 2005 thì: *“Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*. Đối chiếu với quy định này thì chị N yêu cầu bà M, ông D phải thanh toán tiền lãi đối với số tiền chậm trả là phù hợp nên được HĐXX chấp nhận toàn bộ.

Theo quy định tại Điều 1 Quyết định số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam thì mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm. Yêu cầu tính lãi của chị N được chấp nhận như sau: $77.500.000 \text{ đồng} \times 9,0\%/năm \times (3 \text{ tháng} \times 20 \text{ ngày}) = 2.131.124 \text{ đồng}$, làm tròn là 2.131.000 đồng (hai triệu một trăm ba mươi một nghìn đồng).

Tổng số tiền cả vốn lẫn lãi ông D, bà M phải thanh toán cho chị N là: 79.631.000 đồng (bảy mươi chín triệu sáu trăm ba mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] *Về án phí:*

Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu của chị N được Tòa án chấp nhận nên chị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.187.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0008385 ngày 29/11/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ông D, bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: $79.631.000 \times 5\% = 3.981.550 \text{ đồng}$, làm tròn 3.982.000 đồng (ba triệu chín trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 269; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 479, khoản 2 Điều 305 của Bộ luật Dân sự 2005;

Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Kim N đối với ông Lê Văn D và bà Lê Thị M. Buộc ông D, bà M phải thanh toán cho chị N số tiền là

79.631.000 đồng (bảy mươi chín triệu sáu trăm ba mươi một nghìn đồng), trong đó: Vốn gốc 77.500.000 đồng (bảy mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng), tiền lãi là 2.131.000 đồng (hai triệu một trăm ba mươi một nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí:

Yêu cầu của chị N được Tòa án chấp nhận nên chị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.187.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0008385 ngày 29/11/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ông D, bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 3.982.000 đồng (ba triệu chín trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

Lê Cẩm Tú